TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 28-6-2019.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Hữu Thắng**

2. Ông **Trần Văn Phơ**

- Thư ký phiên tòa: Bà Hên Thị Hồng Xinh**,** thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 81/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Bà Hà Thị Ngọc L, sinh năm 1986**;

HKTT: đường K, khóm A, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: đường T, khóm A, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: đường K, khóm A, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Bà Hà Thị Ngọc L trình bày:

Bà Hà Thị Ngọc L và Ông Nguyễn Văn C kết hôn vào năm 2006, đăng ký

kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/4/2006. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì ông bà chung sống hạnh phúc nhưng từ tháng 10 năm 2018 thì ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C có hành vi bạo lực với bà L, bà L đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông C vẫn không thay đổi nên ông bà đã sống ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Bà Hà Thị Ngọc L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà Hà Thị Ngọc L yêu cầu được ly hôn với Ông Nguyễn Văn C.

Trong thời gian chung sống ông, bà có 01 con chung tên Nguyễn Hải H, sinh ngày 20/7/2006. Hiện nay cháu H đang sinh sống cùng bà L tại số 596/4/4, đường Tôn Đức Thắng, khóm 3, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Về tài sản chung: Bà L trình bày trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Văn C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay Bà Hà Thị Ngọc L yêu cầu Toà án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Ngọc L yêu cầu ly hôn với Ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải H và không yêu cầu Ông Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi cháu Hà.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 15/5/2019, bị đơn Ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông C thống nhất với lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa ông và bà L. Nhưng hiện nay, ông C vẫn còn thương yêu vợ con nên ông C không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L, về con chung do ông C không đồng ý ly hôn nên ông C không có ý kiến, về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 68, 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Bà Hà Thị Ngọc L và Ông Nguyễn Văn C sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn Ông Nguyễn Văn C đã được Toà án tống đạt hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Ông Nguyễn Văn C.

[2] Về hôn nhân:

Bà L và ông C là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, do đó việc ông bà tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường 5, thị xã (nay là thành phố Sóc Trăng) cấp giấy chứng nhận kết hôn là hoàn toàn đúng pháp luật cho nên được công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà L, trong thời gian chung sống ông bà có phát sinh mâu thuẫn, lúc đầu mâu thuẫn phát sinh không lớn nhưng do giữa ông bà không có một biện pháp nào để khắc phục và hiện nay ông bà không còn sống chung, ông bà đã sống ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà L và ông C không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[3]. Về con chung: Sau khi ly hôn, bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải H và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi bà L và ông C sống ly thân đến nay thì cháu Hchung sống với bà L, cuộc sống của cháu đang ổn định và cháu Hphát triển bình thường. Đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Hải H thì cháu Hcó nguyện vọng được sống chung với bà L và ông C cấp dưỡng cho cháu Hđược bao nhiêu tiền thì cháu nhận bấy nhiêu. Do đó nhằm để ổn định cuộc sống cũng như tâm lý của cháu Hà, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hcho đến khi cháu Hđủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hải H, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết bà L và ông C trình bày ông bà không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết bà L và ông C trình bày ông

bà không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L là người có đơn xin ly hôn nên phải án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Ngọc L được ly hôn Ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải H, sinh ngày 20/7/2006 cho Bà Hà Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Nguyễn Hải H đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn C không cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hải H.

Ông Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Hải H, sinh ngày 20/7/2006 mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết bà L và ông C trình bày ông bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết bà L và ông C trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà Hà Thị Ngọc L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007444 ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ

ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND - TPST;*
- *TAND tỉnh ST;*
- *Thi hành án DS - TPST;*
- *Các đương sự;*
- *Nơi đăng ký kết hôn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

LÊ TRÚC PHƯƠNG